

Bản án số: 1050/2018/DS-PT  
Ngày: 16/11/2018  
Về việc: “*Tranh chấp đòi lại  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Đặng Huyền Phương

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên  
tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 và ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân  
dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số  
396/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài  
sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018  
của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4273/2018/QĐPT-DS ngày 24  
tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Đặng Hoàng H – sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 70 K, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Văn V – sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 191 P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy ủy quyền số 552A/2017 quyền số 01-SCT/CK,ĐC ngày 15/9/2017 tại  
Văn phòng Công chứng T, Hà Nội.

*Bị đơn:* Công ty V

Địa chỉ: Số 456/27 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Hồng A, sinh năm 1959 (có  
mặt)

Địa chỉ: Số 14/22 đường Đ, Phường C, quận P, Thành phố Chí Minh

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông D - sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 14/22 đường Đ, Phường C, quận P, Thành phố Chí Minh

2/ Bà Phạm Thị Ngọc B – sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số 14/22 đường Đ, Phường C, quận P, Thành phố Chí Minh

3/ Ông Phan Doãn C – sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 456/27 T, phường T, quận T, Thành phố Hoà Chí Minh

4/ Ông Võ Văn D – sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số 226/3/11 đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

5/ Ông Nguyễn Cảnh E - sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 36 đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

6/ Ông Nguyễn Cảnh F – sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 94/9/9 đường D, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đặng Hoàng H do ông Phạm Văn V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đặng Hoàng H là cổ đông sáng lập của Công ty V (gọi tắt Công ty V). Ông H sở hữu 300.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 33,33% vốn điều lệ của Công ty V theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0304xxxxxx, đăng ký lần đầu ngày 27/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/02/2010, ông H là cổ đông sáng lập của Công ty V và có tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình chăm sóc cây cao su, Công ty V gặp rất nhiều khó khăn về tài chính nên có yêu cầu ông H cho mượn tiền để chăm sóc vườn cây cao su tại xã S, huyện T, tỉnh B. Công ty V hứa khi nào cây cao su khai thác có doanh thu sẽ chuyển trả tiền cho ông H. Việc Công ty hỏi mượn tiền cũng chỉ trao đổi bằng lời nói không lập thành văn bản. Ông H là thành viên của Công ty nên tin tưởng và đã chuyển tiền cho Công ty mượn. Ông H bắt đầu chuyển tiền từ tháng 01/2010 đến tháng 8/2014, tổng cộng số tiền là 3.424.225.214 đồng. Ông H chuyển tiền thông qua tài khoản cá nhân của ông Dương Hồng A với số tiền là 2.975.967.499 đồng. Số tiền còn lại là 448.258.000 đồng ông H chuyển trực tiếp cho Công ty, Công ty có viết biên nhận nhưng ông H đã làm thất lạc chứng từ. Ông H chuyển tiền qua tài khoản của ông A, vì thời điểm này Công ty V chưa có tài khoản riêng. Hiện nay, Công ty V đã khai thác mủ cao su nhưng vẫn chưa thanh toán tiền cho ông H.

Đối với số cổ phần của ông H góp thời điểm ban đầu vào Công ty V, ông H đã thanh toán đủ và giao bằng tiền mặt cho ông Anh, bà B, có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Cổ phần của ông H tương đương với

33,33% vốn góp trong Công ty V và đã được giải quyết bằng Bản án số 1115/2015/KDTM-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó việc ông H mua cổ phần của Công ty V là khoản tiền riêng biệt đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ giao tiền và độc lập với khoản tiền mà Công ty V mượn của ông H.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Công ty V trả cho ông số tiền đã mượn tổng cộng là 3.424.225.214 đồng và thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Công ty V có người đại diện theo pháp luật là ông Dương Hồng A trình bày:

Công ty V được thành lập từ năm 2007 và được đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 3 theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304xxxxxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/6/2016.

Năm 2009, ông Đặng Hoàng H có tham gia dự án trồng rừng và cây công nghiệp, thời điểm này ông Võ Văn D là chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty V. Đến tháng 02/2010, ông H chính thức là cổ đông của Công ty với số cổ phần là 300.000 cổ phần tương đương 3.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 33.33% số vốn của Công ty V. Số cổ phần mà ông H có được là do nhận chuyển nhượng từ ông A, bà B. Ông Anh bán 150.000 cổ phần và bà B bán 150.000 cổ phần. Do đó, khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty V gồm có 04 cổ đông là ông H, ông A, bà B, ông D. Việc mua bán cổ phần có lập hợp đồng chuyển nhượng. Thực tế, ông H với bà B là quan hệ họ hàng (cô cháu) nên ông H không có giao tiền cho ông Anh, bà B một lần mà giao nhiều lần theo tiến độ đầu tư trồng rừng bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản cá nhân của ông A.

Ngày 18/8/2014, ông H có văn bản chính thức xác nhận việc rút khỏi chức danh thành viên ban quản trị Công ty V và tìm người sang nhượng lại số cổ phần ông H đang sở hữu tại Công ty.

Tháng 11/2014, ông H có báo cho ban quản trị Công ty biết việc đã chuyển nhượng số cổ phần của ông H sở hữu cho bà Hoàng Ngọc G và yêu cầu Công ty làm thủ tục sang tên cho bà Yến Nhi để chính thức trở thành cổ đông của Công ty V.

Ông H cho rằng số tiền mà ông chuyển vào tài khoản cá nhân của ông A, thực hiện từ tháng 01/2010 đến tháng 8/2014, sau đó Công ty V có văn bản xác nhận số tiền ông H đã chuyển là số tiền Công ty mượn riêng của ông H, phía Công ty V không đồng ý. Vì Công ty V không có vay mượn tiền của ông H. Ông H không cung cấp được chứng cứ Công ty V mượn tiền của ông. Thời điểm từ năm 2010 đến năm 2014 ông H vẫn là một cổ đông của Công ty. Thực tế Công ty V nếu có vay mượn tiền của ông H thì Công ty phải bàn bạc, họp cổ đông thông báo cần huy động bao nhiêu vốn thì mỗi cổ đông sẽ đóng góp tiền tương ứng với tỷ lệ cổ phần của mình có tại Công ty. Từ tháng 01/2010 đến tháng 8/2014 ông H không có chuyển tiền gì vào tài khoản của Công ty, cũng như các sổ sách, báo cáo

tài chính hàng năm của Công ty không có thể hiện khoản tiền của ông H. Công ty V đã mở tài khoản từ năm 2009 (số tài khoản 060005952738) tại Ngân hàng X chi nhánh G. Phía Công ty cam đoan giữa Công ty và ông H không có một văn bản thỏa thuận về việc vay mượn tiền. Ông H chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông A (số tài khoản 5000xxxx) tại Ngân hàng Y, phòng giao dịch P là trả nợ cho ông A. Vì trước đây ông A và bà Phạm Thị Ngọc B có chuyển nhượng cổ phần cho ông H nhưng ông H chưa trả tiền. Ông H đề nghị sau khi có tên của ông H trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ông H mới chuyển tiền. Khi Công ty đưa tên ông H vào cổ đông sáng lập của Công ty và đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ông H có nói với phía ông Anh, bà B thời gian này ông đang gặp khó khăn về tài chính nên xin trả dần theo tiến độ đầu tư. Do đó từ năm 2010 đến năm 2014 ông H chuyển trả tiền nợ mua cổ phần cho ông A, bà B. Đây là việc cá nhân giữa ông H với ông Anh và bà B, không phải là giao dịch vay mượn của Công ty V với ông H.

Hiện nay, đối với cổ phần của ông H đóng góp vào Công ty V đã được giải quyết bằng một bản án. Do đó, việc ông H khởi kiện Công ty V yêu cầu trả số tiền 3.424.225.214 đồng là không có căn cứ và Công ty không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Hoàng H về việc buộc Công ty V phải trả lại số tiền là 3.424.225.214 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/7/2018 ông Đặng Hoàng H có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Đặng Hoàng H có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn V đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định Công ty V có vay ông Đặng Hoàng H số tiền 3.424.225.214 đồng để chăm sóc cây cao su, trong lúc Công ty gặp khó khăn, nếu Công ty không vay tiền của ông H tại sao lại có văn bản gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thừa nhận có nhận số tiền mà ông H đang khởi kiện đòi Công ty trả lại.

Bị đơn Công ty V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng: Ông Đặng Hoàng H khởi kiện cho rằng khoản tiền 3.424.225.214 đồng là tiền ông cho Công ty V vay mượn để chăm sóc cây cao su, nay ông yêu cầu Công ty V trả lại số tiền trên.

Xét theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0304xxxxxx đăng ký cấp đổi lần thứ hai thì vốn điều lệ của Công ty là 9.000.000.000 đồng, nhưng thực chất không có cổ đông nào bỏ tiền ra theo quy định, khi nào cần tiền để thực hiện thì chia tỉ lệ và góp tiền vào việc này thì chỉ có những cổ đông mới biết, không có thoả thuận bằng văn bản.

Theo Công văn số 01/2015/CV ngày 20/05/2015 của Công ty V gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xác định tính đến hết tháng 7/2014 toàn bộ chi phí các thành viên đóng góp để thực hiện dự án là 11.414.084.046 đồng, trong đó phần ông H góp là 3.424.225.214 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/10/2018, ông Dương Hồng A đại diện theo pháp luật của Công ty V cho rằng vào thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của ông và bà B cho ông H, thì hai bên chỉ ký hợp đồng chứ không có thanh toán tiền như hợp đồng, mà số tiền này ông H thực hiện chuyển theo từng đợt chăm sóc cây vào tài khoản của ông A và Công ty, đến thời điểm tháng 7/2014 với số tiền là 3.424.225.214 đồng. Hai bên không có thoả thuận bằng giấy tờ về việc thanh toán như nêu trên, mà hai bên tự hiểu với nhau. Phía ông H không đồng ý với trình bày trên, mà cho rằng ông đã góp đủ vốn tại thời điểm ký hợp đồng, nên phần góp sau khi ông có tên trong giấy đăng ký kinh doanh của Công ty V là khoản tiền ông cho Công ty V mượn riêng.

Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty V năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, ... thì tiền mặt Công ty V có là 8.780.949.202 đồng

Ông Võ Văn D thừa nhận là vào thời điểm hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng, ông chỉ xác nhận theo thủ tục, chứ hai bên không có giao nhận tiền.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm có cơ sở xác định việc chuyển nhượng cổ phần giữa ông Dương Hồng A, bà Phạm Thị Ngọc B với ông Đặng Hoàng H ngày 15/10/2009 đã được thực hiện đúng quy định cũng như việc hai bên đã thanh toán với nhau số tiền chuyển nhượng để ông H được đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh của Công ty V, việc này đã được ông Võ Văn D là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xác nhận đã thực hiện xong việc chuyển nhượng. Và số tiền 3.424.225.214 đồng mà ông H chuyển cho Công ty V là có thật. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Công ty V trả lại số tiền trên là có cơ sở để chấp nhận. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là không đúng quy định.

Từ phân tích trên, thấy rằng có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Hoàng H, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đòi Công ty V trả số tiền 3.424.225.214 đồng, căn cứ vào các phiếu chuyển khoản nhiều lần, với tổng số tiền 2.975.967.499 đồng và số tiền mặt không có chứng từ là 448.257.715 đồng với lý do giữa Công ty V và ông H không có chứng cứ chứng minh có giao dịch vay tiền, các chứng từ chuyển tiền nguyên đơn căn cứ khởi kiện là giữa hai cá nhân ông H và ông Dương Hồng A không có liên quan đến Công ty V. Hội đồng xét xử xét thấy:

(1) Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vốn góp ngày 15/10/2009 ký giữa bên chuyển nhượng (bên A) là ông Dương Hồng A và bên nhận chuyển nhượng (bên B) có nội dung: "...hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng phần vốn góp là 1.500.000.000 đồng và ông Dương Hồng A đã ký nhận đủ..." thể hiện ông H đã giao 1.500.000.000 đồng cho ông A; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vốn góp ngày 15/10/2009 giữa bên chuyển nhượng là bà Phạm Thị Ngọc B (bên bán) bên nhận chuyển nhượng là ông Đặng Hoàng H cũng thể hiện nội dung ông H đã giao cho bà B số tiền 1.500.000.000 đồng tiền vốn góp chuyển nhượng cổ phần tương ứng với tỷ lệ góp vốn là 33,33% vốn điều lệ của Công ty V. Tổng cộng hai hợp đồng chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng. Cả hai hợp đồng đều có xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty V là ông Võ Văn D.

Căn cứ sổ đăng ký cổ đông và các biên bản họp đại hội cổ đông của Công ty V ngày 08/4/2010, 15/4/2011, 12/4/2012, 14/4/2013, 10/4/2014, 06/4/2015 có cơ sở xác định ông Dương Hồng A và bà Phạm Thị Ngọc B là cổ đông sáng lập, mỗi người có 150.000 cổ phần, chiếm 16,66% tổng số vốn điều lệ.

Căn cứ Công văn số 01/2015/CV ngày 20/5/2015 của Công ty V cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải trình cho một vụ án khác. Qua nội dung Công văn này đã xác định Công ty V có nhận số tiền của ông Đặng Hoàng H đưa vào sử dụng chi phí trồng chăm sóc cây cao su tổng cộng 3.424.225.214 đồng. Công ty V cho rằng giữa Công ty và ông H không có xác lập giao dịch vay mượn tiền, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Tuy nhiên, số tiền trên Công ty V xác định đã nhận của ông H để chăm sóc cây cao su. Điều này phù hợp với chứng từ ông H chuyển khoản cho cá nhân ông Dương Hồng A, cũng là cổ đông của Công ty, và ông Anh cũng là người có trách nhiệm quản lý cổ phần của Công ty, điều hành Công ty trong thời gian ông H chuyển tiền như lời khai của ông A nêu tại biên bản phiên tòa sơ thẩm "... Mỗi tháng Công ty sẽ quyết toán chi phí, phân bổ chi phí gửi cho các cổ đông, thì ông H dựa trên chi phí đó để chuyển tiền cho tôi...".

(2) Xét lời khai của ông Dương Hồng A phủ nhận số tiền đã nhận chuyển khoản từ ông H là tiền Công ty V mượn, mà đó là tiền giữa hai cá nhân ông H và

vợ chồng ông A, bà B đã chuyển nhượng 300.000 cổ phần cho ông H từ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 15/10/2009 có giá trị hợp đồng là 3.000.000.000 đồng, ông H chuyển trả dần số tiền bằng chuyển khoản với tổng số tiền 2.975.967.499 đồng là còn thiếu ông A, bà B hơn 24.000.000 đồng nữa, nhưng vợ chồng ông A, bà B không có yêu cầu tranh chấp đòi số tiền còn thiếu trong cùng vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai này mâu thuẫn với chứng cứ có trong hồ sơ về việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên, đã có căn cứ thanh toán xong đủ số tiền chuyển nhượng 3.000.000.000 đồng và các bên không ai có yêu cầu tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng cổ phần này, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

- Ông Dương Hồng A là một trong các cổ đông của Công ty V, hiện nay ông Dương Hồng A là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty V, có cổ phần lớn, là người đại diện theo pháp luật của Công ty V. Trước đây, tại thời điểm ông H chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông Dương Hồng A, thì ông A cũng là một trong các cổ đông của Công ty và cũng là người quản lý cổ phần của Công ty, các phiếu chuyển tiền mà nguyên đơn căn cứ khởi kiện cũng đã được phía Công ty V xác nhận rõ, đúng là đã nhận của ông H tổng số tiền 3.424.225.214 đồng trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2014, đó là thời gian ông H đang là cổ đông của Công ty, nên Công ty V phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho ông Đặng Hoàng H là có căn cứ, điều này phù hợp vì từ lúc mua 300.000 cổ phần của Công ty V xong, ông H là cổ đông góp vốn 33,33% cho Công ty V từ 01/02/2010 (theo giấy phép kinh doanh thay đổi lần 2) đến nay Công ty V đã tiếp tục huy động vốn điều lệ thêm và ông H không đóng góp vốn nên đã giảm tỷ lệ góp vốn còn 13,5% vốn điều lệ (theo giấy phép kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 22/6/2016) (Bảng đăng ký thành viên ngày 26/6/2016) của Công ty V và ghi nhận ông H đã rút khỏi thành viên Công ty. Do đó, việc ông H đòi Công ty V hoàn trả số tiền 3.424.225.214 đồng là có căn cứ, vì đây không phải là khoản tiền góp đầu tư tăng vốn điều lệ, mà là khoản tiền Công ty V mượn sử dụng chăm sóc cây cao su thì phải hoàn trả lại, giữa cá nhân ông Dương Hồng A và Công ty V sẽ tự giải quyết riêng đối với số tiền này.

Với những căn cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Hoàng H. Sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Hoàng H.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Hoàng H.

Buộc Công ty V có trách nhiệm trả cho ông Đặng Hoàng H số tiền là 3.424.225.214 đồng (Ba tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm mười bốn đồng). Thực hiện trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty V phải chịu là 100.484.505 (một trăm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm lẻ năm) đồng.

Ông Đặng Hoàng H không phải chịu. Hoàn trả cho ông H số tiền 50.242.252 (năm mươi triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm năm mươi hai) đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0010083 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Hoàng H không phải chịu. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0011448 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND quận T;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thảo**